TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/DS-ST.
Ngày: 07/5/2021.
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hổ

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lư Ngọc Thiên An – Kiểm sát viên

Trong các ngày 06 và 07 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 222/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1945.

Địa chỉ: khu phố M, phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Quốc Đ, sinh năm: 1978 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Tuyên T, sinh năm: 1959

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1968

Cùng địa chỉ: khu phố M, phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Tất cả có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Quốc Đ trình bày:

Do quen biết nên ông C có cho ông T và bà T vay tiền trong nhiều cụ thể như sau:

- Lần 01: ngày 11/7/2015, ông cho ông T và bà T vay 20.000.000đồng, lãi suất 10%/tháng, cho vay không thời hạn, khi nào cần ông sẽ yêu cầu ông T và bà T trả tiền. Khi cho vay không có làm giấy tờ gì. Ông T và bà T chưa trả vốn và lãi cho ông.

- Lần 02: ngày 05/01/2016, ông cho ông T và bà T vay số tiền 40.000.000đồng lãi suất 10%/tháng, cho vay không thời hạn, khi nào cần ông sẽ yêu cầu ông T và bà T trả tiền. Khi cho vay không có làm giấy tờ gì. Ông T và bà T chưa trả vốn và lãi cho ông.

- Lần 03: ngày 09/5/2016, ông cho ông T và bà T vay 1.000USD, lãi suất 10%/tháng, thời hạn vay đến cuối tháng 4/2017. Khi cho vay không có làm giấy tờ gì. Ông T và bà T chưa trả vốn và lãi cho ông.

- Lần 04: ông không nhớ ngày tháng, ông cho ông T ông T và bà T vay 20.000.000đồng, lãi suất 10%/tháng, cho vay không thời hạn, khi nào cần ông sẽ yêu cầu ông T và bà T trả tiền. Khi cho vay không có làm giấy tờ gì. Ông T và bà T chưa trả vốn và lãi cho ông.

- Lần 05: do ông T và bà T không có tiền đóng lãi nên tiếp tục vay ông 20.000.000đồng để trả lãi, ông không nhớ rõ ngày tháng.

Tổng cộng ông cho ông T và bà T vay 100.000.000đồng và 1.000USD. Do ông T và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông, nên ngày 06/01/2017, ông T và bà T có viết Biên nhận cho ông, nội dung ông T và bà T vay của ông C số tiền 100.000.000đồng và 1.000USD quy ra tiền Việt Nam là 20.000.000đồng, mục đích để mua bán, làm ăn, nuôi sống gia đình, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Số tiền 1.000USD ông T và bà T thỏa thuận sẽ trả cho ông C vào cuối tháng 4/2017. Đối với số tiền 100.000.000đồng khi nào ông C cần sẽ báo trước 01 tháng, mỗi ngày ông T và bà T sẽ trả cho ông C 400.000đồng tiền lãi.

Ngày 04/5/2018, ông T và bà T tiếp tục làm tờ cam kết với nội dung ông T và bà T còn nợ ông C số tiền 200.000.000 đồng gồm 100.000.000đồng tiền vốn, 1.000USD và 80.000.000đ tiền lãi. Theo thỏa thuận ông T và bà T sẽ trả cho ông C mỗi ngày 100.000đồng cho đến khi hết số nợ trên. Tuy nhiên ông T và bà T không thực hiện. Tại buổi hòa giải ngày 23/5/2018 tại Ủy ban nhân dân phường 8, ông T và bà T thống nhất còn nợ ông C số tiền 200.000.000đồng, ông T và bà T sẽ trả dần mỗi lần 100.000 đồng, 10 ngày trả 01 lần số tiền 1.000.000đồng (01 tháng trả 3.000.000đồng) cho đến khi hết nợ cho ông C. Ông T và bà T có trả cho ông C số

tiền 500.000đồng vào ngày 15/9/2018 và 500.000đồng vào ngày 30/9/2018 sau đó thì ngưng không trả nữa.

Tại phiên tòa, ông C xác định ông không nhớ rõ thời gian cho vay từng lần cụ thể do đã lâu chỉ nhớ số tiền tổng cộng là 100.000.000đồng và 1.000USD, ông căn cứ vào Tờ cam kết do bị đơn viết để trình bày thời gian cho vay tiền. Ông thừa nhận có nhận của ông T và bà T số tiền lãi 38 ngày từ ngày 21/01/2017 đến 01/3/2017 là 13.300.000đồng, từ tháng 4 đến tháng 5/2017 là 5.000.000đồng, ngày 15/9/2018 là 500.000đồng, và ngày 30/9/2018 là 500.000đồng. Tổng cộng 19.300.000đồng. Ông đồng ý khấu trừ toàn bộ số tiền 19.300.000đồng

Nay ông C yêu cầu ông T và bà T trả cho ông số tiền 100.000.000đồng, 1.000USD quy ra tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử là 23.178.000đồng. Ông C yêu cầu tính lãi số tiền 100.000.000đồng kể từ ngày 04/5/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm tính tròn 36 tháng là 29.880.000đồng.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà thừa nhận bà và ông T có vay của ông Nguyễn Văn C số tiền 100.000.000đồng và 1.000USD, tuy nhiên thời gian vay tiền không như ông C trình bày. Cụ thể bà và ông T vay tiền của ông C trong 08 lần:

+ Lần 01: ngày 25/7/2015, số tiền vay 10.000.000đồng, lãi suất 10%/tháng, cho vay không thời hạn, khi nào ông C yêu cầu thì sẽ trả lại. Vợ chồng bà đóng lãi đến ngày 02/11/2016 được 16 tháng số tiền 16.000.000đồng, chưa trả vốn. Khi vay không có làm biên nhận, khi trả lãi cũng không có làm biên nhận.

+ Lần 02: ngày 09/8/2015, số tiền vay 10.000.000đồng, lãi suất 10%/tháng, cho vay không thời hạn, khi nào ông C yêu cầu thì sẽ trả lại. Vợ chồng bà đóng lãi đến ngày 02/11/2016 được 15 tháng số tiền 15.000.000đồng, chưa trả vốn. Khi vay không có làm biên nhận, khi trả lãi cũng không có làm biên nhận.

+ Lần 03: ngày 05/01/2016, số tiền vay 40.000.000đồng, lãi suất 10%/tháng, cho vay không thời hạn, khi nào ông C yêu cầu thì sẽ trả lại. Vợ chồng bà đóng lãi đến ngày 02/11/2016 được 10 tháng số tiền 40.000.000đồng, chưa trả vốn. Khi vay không có làm biên nhận, khi trả lãi cũng không có làm biên nhận.

+ Lần 04: ngày 09/5/2016, số tiền vay 10.000.000đồng, lãi suất 10%/tháng, cho vay không thời hạn, khi nào ông C yêu cầu thì sẽ trả lại. Vợ chồng bà đóng lãi đến ngày 02/11/2016 được 06 tháng số tiền 6.000.000đồng, chưa trả vốn. Khi trả lãi cũng không có làm biên nhận. Trong lần vay này, hai bên có làm biên nhận tổng kết lại số nợ là 70.000.000đồng.

+ Lần 05: ngày 03/8/2016, số tiền vay 10.000.000đồng, lãi suất 10%/tháng, cho vay không thời hạn, khi nào ông C yêu cầu thì sẽ trả lại. Vợ chồng bà đóng lãi đến ngày 02/11/2016 được 03 tháng số tiền 3.000.000đồng, chưa trả vốn. Khi vay không có làm biên nhận, khi trả lãi cũng không có làm biên nhận.

+ Lần 06: ngày 28/8/2016, số tiền vay 10.000.000đồng, lãi suất 10%/tháng, cho vay không thời hạn, khi nào ông C yêu cầu thì sẽ trả lại. Vợ chồng bà đóng lãi đến ngày 02/11/2016 được 03 tháng số tiền 3.000.000đồng, chưa trả vốn. Khi vay không có làm biên nhận, khi trả lãi cũng không có làm biên nhận.

+ Lần 07: ngày 07/9/2016, vay 1000USD trị giá 20.000.000đồng, lãi suất 10%/tháng, vợ chồng bà đóng lãi đến ngày 02/11/2016 được 02 tháng số tiền 4.000.000đồng. Cho vay không thời hạn, khi nào ông C yêu cầu sẽ trả lại. Khi vay không có làm biên nhận, khi trả lãi cũng không có làm biên nhận.

+ Lần 08: ngày 02/11/2016, số tiền vay 10.000.000đồng, lãi suất 10%/tháng, cho vay không thời hạn, khi nào ông C yêu cầu thì sẽ trả lại.

Đến thời điểm này, ông bà đã đóng lãi được 87.000.000đồng

Ngày 03/11/2016, hai bên thỏa thuận thống nhất số nợ là 120.000.000đồng, lãi suất 10%/tháng, mỗi ngày đóng lãi 400.000đồng nhưng không có làm biên nhận. Đến ngày 06/01/2017 vợ chồng bà mới viết biên nhận cho ông C. Vợ chồng bà đóng lãi từ 03/11/2016 đến 01/3/2017 được 120 ngày, số tiền 48.000.000đồng, khi đóng lãi không có làm biên nhận.

Trong thời gian bà đi trị bệnh tại thành phố Hồ Chí Minh không trả lãi cho ông C, khi trở về ông C vẫn tính lãi 350.000đồng/ngày, vợ chồng bà đóng 38 ngày từ 21/1/2017 đến 01/3/2017 số tiền 13.300.000đồng. Đến tháng 5/2017 đóng thêm 5.000.000đồng tiền lãi. Những lần đóng lãi đều không có làm biên nhận. Tổng cộng ông bà đã đóng cho ông C 153.300.000đồng.

Tháng 6/2017, vợ chồng bà không còn khả năng nên ngưng đóng lãi. Tháng 4/2018, ông C kêu 02 vợ chồng bà đến yêu cầu cộng 80.000.000đồng tiền lãi vào số tiền gốc 120.000.000đồng thì sẽ không kiện vợ chồng ông bà ra tòa, khoanh gốc và lãi là 200.000.000đồng, không tiếp tục tính lãi. Vợ chồng bà có viết Tờ cam kết ngày 04/5/2018 cho ông C. Tại buổi hòa giải ngày 23/5/2018, ông bà có thỏa thuận mỗi ngày trả 100.000đồng, 10 ngày trả 01 lần tại Ủy ban nhân dân phường 8 cho đến khi hết 200.000.000đồng nhưng ông bà không trả được. Sau đó, Hội đồng nhân dân có hòa giải, vợ chồng bà có trả được 02 lần ngày 15/9/2018 trả 500.000đồng, và 30/9/2018 trả 500.000đồng, ông C có ký tên vào sổ của vợ chồng bà.

Nay bà thừa nhận bà và ông T còn nợ ông C số tiền 100.000.000đồng và 1.000USD. Bà đồng ý trả số tiền trên, tuy nhiên do đã đóng lãi quá nhiều nên bà yêu cầu khấu trừ số tiền lãi vượt quá quy định pháp luật mà ông bà đã đóng từ ngày 03/11/2016 đến 01/3/2017 là 48.000.000đồng, từ ngày 21/1/2017 đến 01/3/2017 là 13.300.000 đồng, từ tháng 4 đến tháng 5/2017 là 5.000.000đồng, ngày 15/9/2018 là 500.000đồng, và ngày 30/9/2018 là 500.000đồng, tổng cộng: 67.300.000đồng. Số tiền còn lại bà đồng ý trả lãi từ tháng 6/2018 đến nay theo lãi suất do pháp luật quy định.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Tuyên T trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T, thừa nhận ông và bà T có vay của ông C số tiền 100.000.000đồng và 1.000USD trong nhiều lần. Hiện tại, ông T và bà T vẫn chưa trả được cho ông C số tiền trên. Trong quá trình vay, ông và bà T đã đóng lãi cho ông C tổng cộng 153.300.000đồng. Tuy nhiên do mỗi lần trả lãi không có giấy tờ nên ông không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Nay ông đồng ý trả số tiền trên cho ông C nhưng xin được trả dần. Đồng thời yêu cầu khấu trừ lại phần lãi sai quy định ông đã đóng từ ngày 06/01/2017 đến ngày 20/01/2017 mỗi ngày 400.000đồng là 6.000.000đồng , từ ngày 21/01/2017 đến 01/3/2017 mỗi ngày 350.000đồng là 13.300.000đồng, từ tháng 4 đến tháng 5/2017 là 5.000.000đồng, ngày 15/9/2018 là 500.000đồng, và ngày 30/9/2018 là 500.000đồng tổng cộng: 25.300.000đồng. Số tiền còn lại ông xin được trả dần do hoàn cảnh gia đình khó khăn

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ Điều 123, 131, 357, 463, 466, 468 BLDS 2015:

- Đề nghị tuyên bố một phần hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều cấm đối với số tiền 1.000 USD đồng thời giải quyết hậu quả pháp lý của phần giao dịch bị vô hiệu.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, cụ thể:

Chấp nhận yêu cầu về việc buộc vợ chồng ông Nguyễn Tuyên T, bà Nguyễn Thị T phải trả cho ông C số tiền nợ vay 100.000.000đồng cùng tiền lãi phát sinh, mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày ông T, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến thời điểm xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn C khởi kiện ông Nguyễn Tuyên T và bà Nguyễn Thị T yêu cầu trả số tiền 100.000.000đồng và 1000USD. Xét quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn C với ông Nguyễn Tuyên T và bà Nguyễn Thị T là "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản", bị đơn ông Nguyễn Tuyên T và bà Nguyễn Thị T hiện đang cư trú tại phường T, thành phố BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: nguyên đơn ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T và bà T trả cho ông số tiền 100.000.000đồng, 1.000USD và yêu cầu tính lãi số tiền 100.000.000đ kể từ ngày 04/5/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm, tính tròn 36 tháng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bản chính Biên nhận ngày 06/01/2017 và Tờ cam kết ngày 04/5/2018. Ông T và bà T thừa nhận Biên nhận ngày 06/01/2017 và Tờ cam kết ngày 04/5/2018 do ông Nguyễn Tuyên T

viết, chữ ký và chữ viết tên trong biên nhận là của ông T và bà T nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung Biên nhận ngày 06/01/2017 và Tờ cam kết ngày 04/5/2018 thể hiện việc ông Nguyễn Tuyên T và bà Nguyễn Thị T có vay của ông Nguyễn Văn C số tiền 100.000.000đồng và 1.000USD.

[2.1] Đối với yêu cầu trả lại 100.000.000đồng của ông C, xét thấy, tuy các bên đương sự không thống nhất với nhau về thời gian vay tiền nhưng thống nhất về số tiền vay tổng cộng là 100.000.000đồng. Ông T và bà T cũng thừa nhận còn nợ ông C số tiền trên. Do ông T và bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo thỏa thuận nên việc ông C khởi kiện yêu cầu ông T và bà T trả lại 100.000.000đồng là có cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi số tiền 100.000.000đồng kể từ ngày 04/5/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm tính tròn 36 tháng là 29.880.000đ. Xét thấy, ngày 04/5/2018, ông Nguyễn Tuyên T và bà Nguyễn Thị T đã lập Tờ cam kết thống nhất lại số nợ cũng như phương thức trả nợ cho ông Nguyễn Văn C. Tuy nhiên ông T và bà T không thực hiện theo thỏa thuận. Căn theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự ông T và bà T phải có trách nhiệm trả tiền lãi cho ông C . Việc ông C chỉ yêu cầu tính lãi theo lãi suất 0.83%/tháng trong 36 tháng kể từ ngày 04/5/2018 đến khi xét xử sơ thẩm số tiền 29.880.000đồng là phù hợp quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu trả lại 1.000USD của ông C, xét thấy việc giao dịch bằng ngoại tệ là hoạt động chỉ các tổ chức tín dụng được phép thực hiện theo quy định tại Điều 105 Luật các tổ chức tín dụng. Việc ông Nguyễn Văn C cho ông Nguyễn Tuyên T và bà Nguyễn Thị T vay tiền bằng ngoại tệ đã vi phạm điều cấm theo quy định tại Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2013, Khoản 2 Điều 8 Luật các Tổ chức tín dụng. Do đó, giao dịch này bị vô hiệu theo quy định tại Điều 117, Điều 123 Bộ luật dân sự 2015. Ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Tuyên T, bà Nguyễn Thị T không phải là các chủ thể có quyền thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ nhưng vẫn tiến hành giao dịch nên cả ông C, ông T và bà T đều có lỗi. Do giao dịch bị vô hiệu, căn cứ theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015, ông Nguyễn Tuyên T và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn C số tiền 1.000USD quy ra tiền Việt Nam là 23.125.000đồng (theo tỷ giá ngoại tệ mua vào do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày 07/5/2021 là 23.125 VND/USD).

Bà T và ông T cho rằng đã đóng lãi cho số tiền 1.000USD là 4.000.000đ nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Tại phiên tòa, ông C thừa nhận có nhận của ông T và bà T số tiền 18.300.000đồng là tiền lãi của số tiền 120.000.000đ, trong đó 20.000.000đồng là số tiền quy đổi từ 1.000USD. Do đó, ông C có trách nhiệm trả lại cho ông T và bà T số tiền lãi đã nhận của 1.000USD là:

(20.000.000đồng x 18.300.000đồng) : 120.000.000đồng = 3.050.000đồng.

[2.4] Đối với yêu cầu khấu trừ số tiền lãi đã đóng của bị đơn ông Nguyễn Tuyên T và bà Nguyễn Thị T. Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu ông T và bà T cung cấp chứng cứ chứng minh việc ông bà đã trả số tiền lãi 153.300.000đồng cho ông C nhưng ông bà không cung cấp được. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T và bà T trình bày còn nhiều mâu thuẫn về số tiền lãi đã đóng cũng như thời gian đóng lãi. Cụ thể bà T và ông T trình bày từ ngày 03/11/2016 đến ngày 01/3/2017 bà và ông T đóng cho ông C số tiền 400.000đ/ngày, tổng cộng 48.000.000đồng. Tại Tờ cam kết ngày 04/5/2018 do ông T viết lại xác định từ ngày 21/01/2017 đến 01/3/2017 ông bà trả mỗi ngày 350.000đồng tổng cộng 13.300.000đồng, có sự trùng lắp về thời gian đóng lãi. Ông bà không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, không giải thích được sự mâu thuẫn trong lời trình bày của mình nên không có cơ sở để hội đồng xét xử xem xét.

Hội đồng xét xử căn cứ vào lời thừa nhận của ông C tại phiên tòa xác định ông C có nhận 18.300.000đồng tiền lãi của ông T và bà T trong thời gian từ 21/01/2017 đến tháng 5/2017, 500.000đồng vào ngày 15/9/2018 và 500.000đồng vào ngày 30/9/2018, tổng cộng 19.300.000đồng. Tại biên nhận ngày 06/01/2017, các bên thỏa thuận tiền lãi 400.000đồng/ngày/số tiền 120.000.000đồng, như vậy lãi suất thỏa thuận là 0.33%/ngày, 10%/tháng, vượt quá lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Số tiền lãi ông T và bà T phải chịu trách nhiệm trả cho ông C đối với số tiền 100.000.000đồng từ ngày 06/01/2017 đến 04/5/2018 theo mức lãi suất do pháp luật quy định là 20%/năm là: 100.000.000đồng x 20%/năm x 1 năm 3 tháng 28 ngày = 26.555.500đồng

Như vậy số tiền lãi ông T và bà T đã trả cho ông C thấp hơn so với số tiền lãi ông T và bà T phải trả cho ông C theo lãi suất do pháp luật quy định kể từ ngày 06/01/2017 đến 04/5/2018. Tuy nhiên ông C vẫn đồng ý khấu trừ số tiền lãi đã nhận nên ghi nhận. Do trong 19.300.000đồng ông C đồng ý khấu trừ có 3.050.000đồng là tiền lãi của số tiền 1.000USD mà ông C phải trả lại cho ông T và bà T nên số tiền khấu trừ còn lại là 16.250.000đồng.

Như vậy, số tiền mà ông T và bà T phải trả cho ông C là 100.000.000đồng + 29.880.000đồng – 16.250.000đồng = 113.630.000đồng và 1.000USD được quy ra tiền Việt Nam theo tỷ giá ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày 07/5/2021 là 23.125.000đồng

Ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả lại cho ông T và bà T số tiền 3.050.000đồng.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Tuyên T đều có đơn xin miễn án phí.

Căn cứ theo quy định tại điểm d Điều 12 Nghị quyết 326 Ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Tuyên T được miễn án phí

Bà Nguyễn Thị T do có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên Hội đồng xét cử chấp nhận giảm 50% án phí theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết 326. Số tiền án phí bà T phải nộp là: 1.709.400đồng

[4] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 117, 123, 131, khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Khoản 2 Điều 8 Luật các Tổ chức tín dụng;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2013

- Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C: Buộc ông Nguyễn Tuyên T và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn C số tiền 113.630.000 (Một trăm mười ba triệu sáu trăm ba mươi nghìn) đồng gồm 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng tiền vốn gốc và 13.630.000đồng tiền lãi.

- Tuyên bố Hợp đồng vay tài sản được xác lập bằng Biên nhận ngày 06/01/2017 và Tờ Cam kết ngày 04/5/2018 giữa ông Nguyễn Văn C với ông Nguyễn Tuyên T và bà Nguyễn Thị T vô hiệu một phần đối với phần giao dịch bằng ngoại tệ là 1.000USD.

Ông Nguyễn Tuyên T và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn C số tiền 1.000USD quy ra tiền Việt Nam là 23.125.000 (Hai mươi ba triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng

Ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông T và bà T số tiền lãi đã nhận là 3.050.000 (Ba triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị T phải chịu là 1.709.400 (Một triệu bảy trăm lẻ chín nghìn bốn trăm) đồng.

Ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Tuyên T được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương